TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH
**CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÓC MÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Số: 223 /PA-PCHM

*Hóc Môn, ngày 23 tháng 01 năm 2026*

# PHƯƠNG ÁN
## KHAI QUANG CÂY XANH CHẠM LƯỚI ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HÓC MÔN, ĐÔNG THẠNH, BÀ ĐIỂM, XUÂN THỚI SƠN NĂM 2026

**DUYỆT**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÓC MÔN

**Võ Minh Định**

**ĐỘI QUẢN LÝ LƯỚI ĐIỆN**
**ĐỘI TRƯỞNG**

**Huỳnh Quang Tâm**

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

# PHƯƠNG ÁN
## KHAI QUANG CÂY XANH CHẠM LƯỚI ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HÓC MÔN, ĐÔNG THẠNH, BÀ ĐIỂM, XUÂN THỚI SƠN NĂM 2026

### 1. CƠ SỞ LẬP PHƯƠNG ÁN:

Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 quy định chi tiết thi hành luật điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Thông tư 22/2024/TT-BXD của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định chi phí dịch vụ sự nghiệp công chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc công bố bộ đơn giá dự toán chuyên ngành công viên cây xanh trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1491/QĐ-SXD-KT&VLXD ngày 31/2/2024 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2024 trên địa bàn TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-BXD ngày 17/01/2025 của Bộ xây dựng về việc Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ cây xanh đô thị;

Căn cứ các bảng báo giá khai quang mé nhánh cây xanh năm 2026 của Công ty TNHH TM XD DV Duy Hiếu; Công ty TNHH TMDV SX-KT Vạn Phúc Hưng; Công ty TNHH TM XD Sơn Phúc Vinh.

Theo khảo sát, thống kê thực tế khối lượng cây xanh trên địa bàn xã Hóc Môn, Đông Thạnh, Bà Điểm, Xuân Thới Sơn và rà soát trên cơ sở thực tế như sau:

### II. TỔNG QUAN:

Trên địa bàn 4 xã như trên tính đến cuối năm 2025, Công ty Điện lực Hóc Môn đang khai thác tải của 30 tuyến dây trung thế thuộc 6 trạm trung gian. Qua thống kê thực tế khối lượng cây xanh có ảnh hưởng đến lưới điện trung thế trên địa bàn 4 xã gây mất an toàn lưới điện, có thể dẫn đến sự cố, mất an toàn trong nhân dân. Cụ thể đối với những tuyến dây như sau:

(Theo Bảng thống kê đính kèm)

### III. QUY MÔ VÀ MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN:

**3.1 Qui mô thực hiện khai quang toàn phương án:**

⇨ Thực hiện khai quang, tỉa nhánh, cắt cành, khống chế chiều cao và vận chuyển rác cây xanh đổ bỏ thực hiện năm 2026: **778 cây**

**3.2 Qui mô cụ thể từng tuyến dây :**

(Theo bảng thống kê đính kèm)

**3.3 Mục tiêu đạt được sau khi hoàn tất công tác khai quang cây xanh năm 2026:**

- Lưới điện trung thế sau khi khai quang cây xanh chạm lưới sẽ giảm sự cố, đảm bảo an toàn, mỹ quan trong vận hành lưới điện, nâng cao chất lượng cung cấp điện, đảm bảo tính liên tục trong vận hành và giảm tỷ lệ tổn thất điện năng.

- Quy mô khai quang mỗi vị trí là **01 lần/năm**, khai quang phải đảm bảo trong năm không thực hiện lại tại các vị trí đã thực hiện.

## IV. BIỆN PHÁP THI CÔNG & BIỆN PHÁP AN TOÀN:

### 1. Biện pháp thi công:

Do số lần cắt điện rất hạn chế, nên đơn vị thi công phải cố gắng tập trung phương tiện, nhân lực, máy móc thiết bị đầy đủ thi công hoàn tất tất cả các hạng mục khai quang cây xanh chạm lưới trung thế của từng tuyến dây.

Khai quang bằng thủ công hay bằng máy phải có đầy đủ các biện pháp an toàn khi thực hiện, phải có các biện pháp chống rơi, đổ các phương tiện thi công như: rựa, dao, câu liêm, cưa máy… và các nhánh cây, cây trong quá trình khai quang.

### 2. Biện pháp an toàn khi thi công:

– Đơn vị thi công phải lập kế hoạch, tiến độ thi công cụ thể theo từng ngày, tuần và đăng ký trước với Công ty Điện lực Hóc Môn.

– Đơn vị thi công phải chuẩn bị đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, thiết bị và công nhân trước khi thi công nhằm tránh tình trạng thiếu hụt trong quá trình thi công làm mất thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ công trình và thời gian mất điện quá dài. Đơn vị thi công phải đăng ký cắt điện với điện lực khu vực, trên cơ sở lịch cắt điện đã được duyệt tổ chức sắp xếp các hạng mục công việc nào sẽ được thi công vào những ngày cắt điện và những công việc nào sẽ được thực hiện vào những ngày không cắt điện cho thật hợp lý.

– Bố trí các nhóm công nhân thi công dứt điểm từng hạng mục của công trình để tránh tình trạng bỏ sót hoặc phải làm đi làm lại nhiều lần.

– Sau khi Điện lực khu vực cắt điện xong, tiếp địa 2 đầu đoạn công tác và bàn giao cụ thể địa bàn công tác thì đơn vị thi công mới được thực hiện công tác khai quang cây xanh có liên quan chạm đến lưới điện.

– Thi công đảm bảo đúng khối lượng và thực tế khi bàn giao công tác, trường hợp trở ngại không thi công được đề nghị đơn vị thi công làm việc ngay với đơn vị thiết kế và các đơn vị liên quan.

– Khi thi công ở những khu vực dân cư, băng đường… thì phải đặt rào chắn và biển báo, cử người cảnh giới người qua lại và phương tiện giao thông.

– Sau khi thi công xong, đơn vị thi công phải kiểm tra kỹ hiện trường, dọn dẹp hiện trường sạch sẽ, tập kết và xử lý cây, nhánh cây đúng nơi quy định. Báo cáo với cán bộ giám sát và Điện lực khu vực xin trả điện.

**3. Các giải pháp triển khai thực hiện khai quang:**

Đặc điểm công trình là khai quang, mé nhánh, đốn hạ các cây xanh gần hoặc chạm lưới điện trung hạ thế nên để đảm bảo an toàn cho người đi lại, khi có mật độ xe đông phải có người của đội hướng dẫn việc đi lại, không gây ùn tắc giao thông như sau:

– Lập rào chắn, biển báo, cử người cảnh giới, chỉ dẫn giao thông.

– Khi thu hồi, tập kết nhánh cây, lá cây, cây xanh… khối lượng khai quang cây xanh phải di chuyển ngay thành đống và xe tải chuyển đi đổ tại nơi quy định để tránh ách tắt giao thông và không làm ảnh hưởng đến các hộ dân xung quanh.

- Đăng ký thi công liveline đối với các vị trí cây xanh chạm vào lưới điện trung thế hoặc gần các vị trí điểm hở, vị trí có thiết bị và có khả năng ngả đổ vào hệ thống lưới điện nhằm đảm bảo an toàn.

- Để đảm bảo an toàn điện trong nhân dân và đảm bảo hệ thống lưới điện vận hành an toàn, liên tục trong mùa mưa bão, thực hiện khai quang cây xanh chạm (hoặc gần chạm) vào lưới điện trung thế (các loại cây không thuộc quản lý của đơn vị quản lý cây xanh), khai quang và mé nhánh cây xanh phải đảm bảo đủ khoảng cách an toàn (khoảng cách an toàn kiến nghị sau khi đã mé nhánh là: các vị trí có thiết bị và điểm hở lưới điện > 3m và dây trung thế là > 2m).

- Thường xuyên liên hệ, nhắc nhở và phối hợp với người dân có cây xanh gần đường dây để tổ chức thực hiện khai quang, mé nhánh cây xanh đảm bảo đủ khoảng cách an toàn (khoảng cách an toàn kiến nghị sau khi đã mé nhánh là: các vị trí có thiết bị và điểm hở lưới điện > 3m và dây trung thế là > 2m) đồng thời kiến nghị tăng tần suất khai quang, mé nhánh trong năm đảm bảo chu kỳ phát triển của từng loại cây nhằm đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định hành lang an toàn lưới điện cao áp 22kV, không để cây xanh phát triển chạm đến lưới điện..

- Do số lần cắt điện rất hạn chế, nên đơn vị thi công phải cố gắng tập trung phương tiện, nhân lực, máy móc thiết bị đầy đủ thi công hoàn tất tất cả các hạng mục khai quang cây xanh chạm lưới trung thế của từng tuyến dây.

- Sử dụng các phương tiện cơ giới như xe cẩu, xe gàu và các phượng tiện dụng cụ, máy thi công để tiến hành khai quang đảm bảo an toàn lao động, tiến độ.

- Khai quang bằng thủ công hay bằng máy phải có đầy đủ các biện pháp an toàn khi thực hiện, phải có các biện pháp chống rơi, đổ các phương tiện thi công như: rựa, dao, câu liêm, cưa máy… và các nhánh cây, cây trong quá trình khai quang.

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

- Sau khi thi công xong, đơn vị thi công phải kiểm tra kỹ hiện trường, dọn dẹp hiện trường sạch sẽ, tập kết và xử lý cây, nhánh cây đúng nơi quy định.

**V. Biện pháp an toàn lao động, an toàn giao thông:**

–Căn cứ luật lao động, luật an toàn giao thông đường bộ.

– Khi thi công phải tuân thủ nghiêm ngặt các qui trình qui phạm của nhà nước.

– An toàn lao động cho người đi lại, khi mật độ xe đông phải có người của đội hướng dẫn để đảm bảo an toàn đi lại, không gây kẹt xe, va chạm.

– Trong quá trình khai quang nếu thấy có chướng ngại vật phải báo ngay cho đơn vị có chức năng để cùng phối hợp giải quyết.

– Đặc điểm công trình là khai quang, mé nhánh, đốn hạ các cây xanh gần hoặc chạm lưới điện trung hạ thế nên để đảm bảo an toàn cho người đi lại, khi có mật độ xe đông phải có người của đội hướng dẫn việc đi lại, không gây ùn tắt giao thông như sau:

+ Lập rào chắn, biển báo, cử người cảnh giới, chỉ dẫn giao thông.

+ Khi thu hồi, tập kết nhánh cây, lá cây, cây xanh… khối lượng khai quang cây xanh phải di chuyển ngay thành đống và xe tải chuyển đi đổ tại nơi quy định để tránh ách tắt giao thông và không làm ảnh hưởng đến các hộ dân xung quanh.

**VI. Biện pháp tổ chức thi công:**

- Thực hiện lập biên bản khảo sát hiện trường trước khi công tác.

- Thực hiện đầy đủ chế độ phiếu công tác và phiếu thao tác;

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn cá nhân, kiểm tra trang bị BHLĐ và trang thiết bị an toàn, dụng cụ đồ nghề trước khi công tác;

- Phân công cụ thể cho từng thành viên, nhóm, tổ thực hiện công việc theo phiếu công tác đã được cấp.

**VII. Biện pháp kỹ thuật thi công:**

+ **Bước 1:** Nhận bàn giao hiện trường vị trí công tác.

+ **Bước 2:** Kiểm tra hiện trường xung quanh, đảm bảo an toàn điện và an toàn lao động.

+ **Bước 3:** Thi công khai quang cây xanh, mất an toàn trên lưới điện (theo danh sách đính kèm) và thực hiện các biện pháp an toàn tại nơi làm việc.

+ **Bước 4:** Kiểm tra lại toàn bộ hiện trường công tác trước khi kết thúc công việc.

HCMPC\TRANGTT(Trần Thuỳ Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC

+ **Bước 5:** Sau khi hoàn tất công tác, nhóm công tác Đội QLLĐ tháo dỡ biển báo, trạng cụ an toàn, thu dọn DCĐN và bàn giao hiện trường cho nhân viên vận hành và rút khỏi hiện trường công tác.

## VIII. KHỐI LƯỢNG & TỔNG DỰ TOÁN THỰC HIỆN:

**Khối lượng**

| STT | HẠNG MỤC THI CÔNG | ĐVT | SL | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Khai quang, tỉa nhánh, cắt cành, khống chế chiều cao và vận chuyển rác cây xanh đổ bỏ thực hiện năm 2026 | Cây | 778 | |

**Loại cây:**

| STT | Chủng loại cây khai quang, mé nhánh | ĐVT | Số lượng | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Cây bóng mát loại 1<br>(Cây cao < = 6m và có đường kính gốc cây < = 20 cm) | Cây | 496 | 778 |
| 2 | Cây bóng mát loại 2<br>(Cây cao < = 12m và có đường kính gốc cây < = 50 cm) | Cây | 282 | |

## IX. Giá trị dự toán:

(Theo Dự toán đính kèm)

## X. DANH SÁCH THỐNG KÊ CÂY XANH CHI TIẾT:

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Tổng cộng:** | | | 778 | 496 | 282 |
| 1 | R/ĐATV/T22P/8 | TAM THON | 2 cây Si | **2** | 2 | |
| 2 | R/ĐATV/T23P | TAM THON | 1 cây Gòn | **1** | 1 | |
| 3 | R/ĐATV/T22P/17 đến R/ĐATV/T22P/20 | TAM THON | 2 Cây lồng mứt, 1 cây phượng | **3** | 1 | 2 |
| 4 | R/ĐATV/T70T/1 | TAM THON | 1 cây lộc vừng | **1** | | 1 |
| 5 | R/ĐATV/T70T/2 | TAM THON | 1 Cây Si | **1** | | 1 |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | R/TTT9/T04P | TAM THON | 1 Cây Si | 1 | | 1 |
| 7 | R/ĐATV/T36T | TAM THON | 1 cây Si | 1 | | 1 |
| 8 | R/ĐATV/T34T đến R/ĐATV/T35T | TAM THON | 3 cây Dương | 3 | | 3 |
| 9 | R/TTT11A/4 đến R/TTT11A/5 | TAM THON | 2 cây lộc vừng, | 2 | 2 | |
| 10 | R/TK12/T14P/1 | TAM THON | 1 cây phượng | 1 | | 1 |
| 11 | R/TOKY/T55P đến R/TOKY/T55P/2 | TAM THON | 2 cây Si | 2 | 2 | |
| 12 | R/TOKY/T55P/10P đến R/TOKY/T55P/11P | TAM THON | 1 cây bàng, 1 cây bằng lăng | 2 | 2 | |
| 13 | R/TOKY/T55P/10P đến R/TOKY/T55P/11P | TAM THON | 1 cây Sala | 1 | | 1 |
| 14 | R/TXTC1/T26T | TAM THON | 1 cây vú sữa | 1 | | 1 |
| 15 | R/TXTC1/T24T/T02AP đến R/TXTC1/T24T/T03P | TAM THON | 3 cây SAKE | 3 | 3 | |
| 16 | R/TXTC1/T23T | TAM THON | 1 cây xoài | 1 | 1 | |
| 17 | R/TOKY/T28P/1 | TAM THON | 1 cây bồ đề | 1 | 1 | |
| .18 | R/MHUE/T01T | TAM THON | 1 cây xoài, 1 cây bàng | 2 | | 2 |
| 19 | R/NGHC/T03T đến R/NGHC/T05T | TAM THON | 1 cây phượng, 1 cây gõ | 2 | | 2 |
| 20 | R/NGHC/T12T | TAM THON | 1 cây viết | 1 | 1 | |
| 21 | R/PHTG/T63P-T64T | CONG DOI | Cây xi | 1 | | 1 |
| 22 | R/PHTG/T63P-T64T | CONG DOI | Cây bàng đài loan | 1 | 1 | |
| 23 | R/PHTG/T57T | CONG DOI | Cây xoài | 1 | | 1 |
| 24 | R/PHTG/T56T | CONG DOI | Cây bàng đài loan | 1 | | 1 |
| 25 | R/TTT18/T03P | CONG DOI | 2 cây si | 2 | | 2 |
| 26 | R/TTT18/T02P | CONG DOI | Cây me | 1 | 1 | |
| 27 | R/TTT18/T01P | CONG DOI | Cây me và cây bàng | 2 | 2 | |
| 28 | R/NGTP/T08T | GÒ LAO | cây 1 osaka và 1 cây sà cừ | 2 | | 2 |
| 29 | R/HTNA/T35P | GÒ LAO | cây si | 1 | 1 | |
| 30 | R/HTNA/T35P | GÒ LAO | cây bàng | 1 | | 1 |
| 31 | R/HTNA/T23BP | GÒ LAO | cây đài loan | 1 | | 1 |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 32 | R/HTNA/T32P-T35P | GÒ LAO | 1 cây osaka, 1 bàng | 2 | 2 | |
| 33 | R/HTNA/T37P-T40P | GÒ LAO | 1 cây xanh, 1 cây ổi | 2 | 2 | |
| 34 | R/NGTP/T66AP | GÒ LAO | 1 cây bồ đề | 1 | | 1 |
| 35 | T165/54/4 đến T165/54/5 | GÒ LAO | 1 cây sung | 1 | 1 | |
| 36 | R/NGTP/T34AT | GÒ LAO | cây sao | 1 | | 1 |
| 37 | R/DT1-4/T01P | GÒ LAO | 1 cây xanh | 1 | 1 | |
| 38 | R/NGTP/T28P | GÒ LAO | 1 cây sung | 1 | 1 | |
| 39 | R/NGTP/T40P đến R/NGTP/T41P | GÒ LAO | 2 cây si | 2 | | 2 |
| 40 | Trạm Tin Học Cầu Dừa | GÒ LAO | 1 cây trứng cá, 1 cây bàng | 2 | | 2 |
| 41 | R/BUVN/T09T | TAM ĐÔNG | 1 cây bàng | 1 | 1 | |
| 42 | R/APĐ3/T01AT | TAM ĐÔNG | cây sung | 1 | 1 | |
| 43 | R/APĐ3/T15T | TAM ĐÔNG | cây xanh | 1 | 1 | |
| 44 | R/TTT17/T09AP | TAM ĐÔNG | cây osaka | 1 | 1 | |
| 45 | R/TRTM/T79P | TAM ĐÔNG | cây osaka cây si | 2 | 2 | |
| 46 | R/TTT17/T01AP | TAM ĐÔNG | Cây si | 1 | 1 | |
| 47 | R/APĐ3/T10T | TAM ĐÔNG | 1cay si ,cây xanh | 2 | | 2 |
| 48 | R/TTT17/T65T/T04P | TAM ĐÔNG | 2 Cây xanh | 2 | | 2 |
| 49 | R/BUVN/T03T | TAM ĐÔNG | Cây bàng | 1 | | 1 |
| 50 | R/TRTM/T95P/T02P | TAM ĐÔNG | Cây bàng | 1 | | 1 |
| 51 | R/TRTM/T90P | TAM ĐÔNG | Cây si | 1 | 1 | |
| 52 | R/TRTM/T80P | TAM ĐÔNG | cây xanh | 1 | 1 | |
| 53 | R/APD3/T27T | TAM ĐÔNG | cây bàng | 1 | | 1 |
| 54 | R/ĐATV/T142T/2 đến R/ĐATV/T142T/3 | ẤP ĐỒN | 1 cây lòng mứt | 2 | 2 | |
| 55 | R/ĐATV/T128T/2 đến R/ĐATV/T128T/5 | ẤP ĐỒN | 1 cây xanh, 1 cây bàng | 2 | | 2 |
| 56 | R/ĐATV/T122T/1 đến R/ĐATV/T122T/5 | ẤP ĐỒN | 1 cây phượng, 1 cây lòng mức, 1 cây bàng, 1 cây điệp | 4 | | 4 |
| 57 | R/ĐATV/T121T | ẤP ĐỒN | cây bàng | 1 | | 1 |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thuỳ Trang) 17/03/2026 14:19

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 58 | R/ĐATV/T117T đến R/ĐATV/T118T | ẤP ĐỒN | 2 cây dầu | 2 | | 2 |
| 59 | R/HUTN/T24P | ẤP ĐỒN | cây gòn | 1 | 1 | |
| 60 | R/ĐT-3/T20P/1 | ẤP ĐỒN | cây bồ đề | 1 | 1 | |
| 61 | R/HUTN/T29P đến R/HUTN/T30P | ẤP ĐỒN | 1 cây sung, 1 cây osaka | 2 | 2 | |
| 62 | R/HUTN/T32P | ẤP ĐỒN | 3 cây xoan | 3 | 3 | |
| 63 | R/HUTN/T48P | ẤP ĐỒN | 1 cây cao su, 2 cây xanh | 3 | 3 | |
| 64 | R/NGTĐ/T20P/1 đến R/NGTĐ/T20P/3 | ẤP ĐỒN | 1 cây bàng, 1 cây gòn, 1 cây dầu | 3 | | 3 |
| 65 | R/NGTĐ/T29P | ẤP ĐỒN | 1 cây sake, 1 cây bằng lăng | 2 | | 2 |
| 66 | R/NGTĐ/T32P | ẤP ĐỒN | cây bàng | 1 | | 1 |
| 67 | R/NGTĐ/T37P | ẤP ĐỒN | cây phượng | 1 | 1 | |
| 68 | R/NGTĐ/T38T | ẤP ĐỒN | cây phượng | 1 | 1 | |
| 69 | R/TX01/T15P | TAN XUAN | 1 cây si | 1 | 1 | |
| 70 | R/TX01/T11P | TAN XUAN | 1 cây SAKE | 1 | | 1 |
| 71 | R/TX01/T05P | TAN XUAN | 1 cây lòng mứt | 1 | 1 | |
| 72 | R/LETH/T14T/4 | TAN XUAN | 1 cây bồ đề | 1 | 1 | |
| 73 | R/TX06/T14P/T01P đến R/TX06/T14P/T02P | TAN XUAN | 2 cây bàng | 2 | | 2 |
| 74 | R/TXTC2/T02T đến R/TXTC2/T03T | TAN XUAN | 1 cây mít, 1 cây trâm, 1 cây si, 1 cây lộc vừng | 4 | 4 | |
| 75 | R/TXTC2/T08T | TAN XUAN | 2 cây hồng quân | 2 | 2 | |
| 76 | R/NHVU/T05T | TAN XUAN | 1 cây vú sữa | 1 | 1 | |
| 77 | R/DOTA/T26T/T04T đến R/DOTA/T26T/T06T | TAN XUAN | 1 cây bàng, 1 cây gõ | 2 | | 2 |
| 78 | R/ĐOTA/T06T | TAN XUAN | cây Si | 1 | 1 | |
| 79 | R/TV3/T83/80TB/7 | TAN XUAN | cây bàng | 1 | | 1 |
| 80 | R/TM01/T01T | TAN XUAN | cây hoa sữa | 1 | 1 | |
| 81 | R/TM01/T06T | TAN XUAN | cây lý, cây xoài, cây mận | 3 | 3 | |
| 82 | R/ĐOTA/T01T | TAN XUAN | 1 cây bàng, 1 cây sung | 2 | | 2 |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 83 | R/TX06/T25P/T01T đến R/TX06/T25P/T06T | TAN XUAN | 2 cây bàng đài loan, 1 cây sung, 1 cây xoài | 4 | | 4 |
| 84 | R/TX06/T25P/T09AT | TAN XUAN | 1 cây gạo | 1 | 1 | |
| 85 | R/QL22/T510P | TÂN XUÂN | 2 cây bàng | 2 | | 2 |
| 86 | R/DOTA/T28P | TÂN XUÂN | cây osaka | 1 | 1 | |
| 87 | R/DOTA/T26P/1 | TÂN XUÂN | cây lòng mứt | 1 | 1 | |
| 88 | R/HONC/T24P đến R/HONC/T25P | TÂN XUÂN | cây phượng và 2 cây sà cừ | 3 | | 3 |
| 89 | R/TM01/T09T đến R/TM01/T10T | TÂN XUÂN | cây sung và cây lộc vừng | 2 | 2 | |
| 90 | R/LETH/T07T | TÂN XUÂN | cây bàng và cây sà cừ | 2 | | 2 |
| 91 | R/HL65/T69T đến R/HL65/T70T | TRUNG ĐÔNG | 1 cây bàng, 1 cây sanh | 2 | | 2 |
| 92 | R/HL65/T72T đến R/HL65/T73T | TRUNG ĐÔNG | 2 cây xoài, 1 cây osaka | 3 | | 3 |
| 93 | R/HL65/T75T | TRUNG ĐÔNG | 1 cây xoài | 1 | 1 | |
| 94 | R/HUTM/T02T đến R/HUTM/T04P | TRUNG ĐÔNG | 3 cây lòng mứt | 3 | 3 | |
| 95 | R/HUTM/T02T đến R/HUTM/T04P | TRUNG ĐÔNG | 2 cây bằng lăng và 1 cây lộc vừng | 2 | | 2 |
| 96 | R/HUTM/T18P đến R/HUTM/T19P | TRUNG ĐÔNG | 2 cây xoài | 2 | 2 | |
| 97 | R/HUTM/T20P đến R/HUTM/T20P/3 | TRUNG ĐÔNG | 1 cây khế | 1 | 1 | |
| 98 | R/TH10/T01P | TRUNG ĐÔNG | 1 cây bàng | 1 | | 1 |
| 99 | R/TH10/T04T | TRUNG ĐÔNG | 1 cây phượng | 1 | | 1 |
| 100 | R/HUTM/T22P | TRUNG ĐÔNG | 1 cây bàng đài loan | 1 | | 1 |
| 101 | R/HUTM/T27P đến R/HUTM/T28P | TRUNG ĐÔNG | 1 cây thị, 1 cây trăm, 1 cây lòng mứt | 3 | 3 | |
| 102 | R/ROBA/T15P/1 đến R/ROBA/T15P/4 | TRUNG ĐÔNG | cây bạch đàng và cây osaka | 2 | 2 | |
| 103 | R/HUTM/T39P | TRUNG ĐÔNG | 1 cây bồ đề | 1 | 1 | |
| 104 | R/HUTM/T48T đến R/HUTM/T50T | TRUNG ĐÔNG | 2 cây si | 2 | | 2 |
| 105 | R/DOVD/T119P | TRUNG ĐÔNG | cây bả đậu | 1 | | 1 |
| 106 | R/DOVD/T133P | TRUNG ĐÔNG | 1 cây bàng | 1 | | 1 |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 107 | R/DOVD/T141P đến R/DOVD/T144P | TRUNG ĐÔNG | 2 cây si, 2 cây bàng, 2 cây me | 3 | | 3 |
| 108 | R/DOVD/T107P | TRUNG ĐÔNG | 1 cây bàng | 1 | | 1 |
| 109 | R/DOVD/T71AT | TRUNG ĐÔNG | 1 cây bàng đài loan | 1 | | 1 |
| 110 | R/DOVD/T90P | TRUNG ĐÔNG | cây bạch đàng, 1 cây me | 2 | | 2 |
| 111 | R/DOVD/T90P/10P | TRUNG ĐÔNG | 3 cây bàng | 3 | | 3 |
| 112 | R/DOVD/T90P/20P đến R/DOVD/T90P/25P | TRUNG ĐÔNG | 1 cây dừa va 1 cây tràm . 1 cây sake | 3 | 3 | |
| 113 | R/HL65/T105P | THỊ TRẤN | 1 cây mít | 1 | 1 | |
| 114 | R/TTTH/T03P đến R/TTTH/T04P | THỊ TRẤN | 1 cây xoài, 2 cây bàng | 3 | 3 | |
| 115 | R/TTTH/T18T đến R/TTTH/T19T | THỊ TRẤN | 2 cây sake, 1 cây bồ đề | 3 | 3 | |
| 116 | R/TTTH/T24T đến R/TTTH/T25T | THỊ TRẤN | 1 cây bàng đài loan | 1 | | 1 |
| 117 | R/TTTH/T25T đến R/TTTH/T27T | THỊ TRẤN | cây bàng, cây sung, | 2 | 2 | |
| 118 | R/TTTH/T28T đến R/TTTH/T29T | THỊ TRẤN | 2 cây sung | 2 | 2 | |
| 119 | R/TTTH/T30T | THỊ TRẤN | 1 cây bàng | 1 | | 1 |
| 120 | R/TTTH/T32T đến R/TTTH/T33T | THỊ TRẤN | 1 cây bã đậu g và 1 cây phượng | 2 | 2 | |
| 121 | R/TTTH/T40T | THỊ TRẤN | 1 cây bàng | 1 | | 1 |
| 122 | R/TTTH/T41T đến R/TTTH/T42T | THỊ TRẤN | 1 cây trăm và 2 cây me | 3 | 3 | |
| 123 | R/TTTH/T43T đến R/TTTH/T46T | THỊ TRẤN | 1 cây mận, 1 cây khế | 2 | 2 | |
| 124 | R/TTTH/T43T đến R/TTTH/T46T | THỊ TRẤN | 1 cây sung, 1 cây me, 1 cây bằng lăng | 3 | 3 | |
| 125 | R/TH16/T03T | THỊ TRẤN | 1 cây bằng lăng | 1 | 1 | |
| 126 | R/TH16/T07T | THỊ TRẤN | 1 cây mận, 1 cây xoài | 2 | 2 | |
| 127 | R/TH16/T12P đến R/TH16/13P | THỊ TRẤN | 1 cây xoài, 1 cây dâu, 1 cây vú sữa, 1 cây điệp, 2 cây sung | 6 | | 6 |
| 128 | R/TH16/T13P đến R/TH16/14P | THỊ TRẤN | 1 cây phượng, 1 cây osaka | 2 | 2 | |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 129 | R/TTTH/T52T | THỊ TRẤN | 2 cây saboche | **2** | 2 | |
| 130 | R/TH17/T06P đến R/TH17/T08P | THỊ TRẤN | 1 cây sala | **1** | 1 | |
| 131 | R/TH17/T14P đến R/TH17/T15P | THỊ TRẤN | 1 cây sala, 1 cây cao su, | **2** | 2 | |
| 132 | R/TH18/T17P | THỊ TRẤN | 1 cây lòng mứt | **1** | 1 | |
| 133 | R/TH18/T23P đến R/TH18/T24P | THỊ TRẤN | 1 cây lòng mứt 1 cây bàng, 1 cây xoài | **3** | 3 | |
| 134 | R/NTSA/T46AP | CẦU BẾN NỌC | cây sala | **1** | 1 | |
| 135 | R/NTSA/T40T | CẦU BẾN NỌC | cây móng bò | **1** | 1 | |
| 136 | R/NTSA/T38AP | CẦU BẾN NỌC | cây lòng mứt | **1** | 1 | |
| 137 | R/NGTN/T34P đến R/NGTN/T36P | CẦU BẾN NỌC | 2 cây me, 2 cây lòng mứt, 1 cây sung, 3 cây táo, 1 cây si, 1 cây mít | **10** | | 10 |
| 138 | R/NGTN/T38P đến R/NGTN/T40P | CẦU BẾN NỌC | 1 cây xoài, 1 cây bàng đ.loan, 2 cây trăm, 2 cây si | **6** | | 6 |
| 139 | R/TRD7/T05P | CẦU BẾN NỌC | 1 cây sake | **1** | 1 | |
| 140 | R/TRD7/T07P đến R/TRD7/T10P | CẦU BẾN NỌC | 1 cây vối, 1 cây xoài, 1 cây vú sữa | **3** | 3 | |
| 141 | R/NGTN/T52P | CẦU BẾN NỌC | 1 cây sung | **1** | 1 | |
| 142 | R/TRD11/T01P | CẦU BẾN NỌC | 1 cây bằng lăng | **1** | 1 | |
| 143 | R/TRD11/T02P đến R/TRD11/T05P | CẦU BẾN NỌC | 7 cây phượng, 2 cây bàng, 1 cây sung | **10** | | 10 |
| 144 | R/NGTN/T64P đến R/ NGTN/T68P | CẦU BẾN NỌC | 1 cây trăm, 1 cây bàng, 2 cây sake | **4** | | 4 |
| 145 | R/NGTN/T79P | CẦU BẾN NỌC | 1 cây osaka | **1** | 1 | |
| 146 | R/TRTM/T04AT | CẦU BẾN NỌC | 2 cây bàng | **2** | | 2 |
| 147 | R/NTSA/T25P | CẦU BẾN NỌC | 1 cây trâm | **1** | 1 | |
| 148 | R/NTSA/T21P | CẦU BẾN NỌC | 2 cây bàng | **2** | | 2 |
| 149 | R/TTU2/T04T | CẦU BẾN NỌC | 1 cây phượng | **1** | 1 | |
| 150 | R/NTSA/T09T | CẦU BẾN NỌC | 3 cây si | **3** | 3 | |
| 151 | R/TTT12/T09T đến R/TTT12/T10T | CẦU BẾN NỌC | 1 cây lòng mứt , 1 cây si, 1 cây | **3** | 3 | |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thuỳ Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | hồng quân | | | |
| 152 | R/NTSA/T06T | CẦU BẾN NỌC | 1 cây Si | 1 | 1 | |
| 153 | R/NTSA/T03T | CẦU BẾN NỌC | 1 cây bằng lăng | 1 | 1 | |
| 154 | R/TRTB/T29T | CẦU BẾN NỌC | 1 cây bàng 1 cây si | 2 | 2 | |
| 155 | R/TRTB/T24T đến R/TRTB/T26T | CẦU BẾN NỌC | 1 cây liêm, 1 cây bàng, 1 cây xoài | 3 | 3 | |
| 156 | R/NGTN/T19P | CẦU BẾN NỌC | 1 cây SI | 1 | 1 | |
| 157 | R/NGTN/T55P | CẦU BẾN NỌC | 1 cây SAKE | 1 | 1 | |
| 158 | R/NGTN/13P-17P | CẦU BẾN NỌC | 1 cây xanh, 2 cây bàng | 3 | 3 | |
| 159 | R/NGTS/T06T-07T | CẦU BẾN NỌC | 1 cây bàng , 1 cấy vú sữa | 2 | 2 | |
| 160 | R/NGTS/T11T-12T | CẦU BẾN NỌC | 3 cây bàng | 3 | | 3 |
| 161 | R/NGTS/T18T-19T | CẦU BẾN NỌC | 3 cây si | 3 | 3 | |
| 162 | R/TRTB/T35P -36P | CẦU BẾN NỌC | 1 cây điệp, 1 cây xoài | 2 | 2 | |
| 163 | R/TRTB/T33P -35P | CẦU BẾN NỌC | 2 cây điệp | 2 | | 2 |
| 164 | R/TRTB/T30P -31P | CẦU BẾN NỌC | 1 cây si, 2 cây xoài | 3 | 3 | |
| 165 | R/TRTB/T25P -27P | CẦU BẾN NỌC | 1 cây si ,1 bã đậu | 2 | 2 | |
| 166 | R/TRTB/T14T/1p - 14T/2P | CẦU BẾN NỌC | cây me, cây si | 2 | 2 | |
| 167 | R/NB26/T01AT đến R/NB26/T03T | CÔNG TRỪNG | 1 cây me | 1 | 1 | |
| 168 | R/NB26/T01AT đến R/NB26/T03T | CÔNG TRỪNG | 1 cây sake, 1 cây mận | 2 | 2 | |
| 169 | R/BUCT/T48T đến R/BUCT/T51T | CÔNG TRỪNG | 1 cây phượng, 1 cây bồ đề, 1 cây si | 3 | 3 | |
| 170 | R/BUCT/T53T đến R/BUCT/T54T | CÔNG TRỪNG | 1 cây sung, 1 cây xoài | 2 | 2 | |
| 171 | R/NB03/T01P | CÔNG TRỪNG | 2 cây bồ đề | 2 | 2 | |
| 172 | R/NB03/T04T | CÔNG TRỪNG | 1 cây cao su, 1 cây phượng | 2 | 2 | |
| 173 | R/NB05/T02T | CÔNG TRỪNG | 1 cây xanh | 1 | 1 | |
| 174 | R/NB05/T05P đến R/NB05/T07P | CÔNG TRỪNG | 2 cây lộc vừng | 2 | 2 | |
| 175 | R/NB05/T19T | CÔNG TRỪNG | 1 cây đa, 1 cây | 2 | 2 | |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thuỳ Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC\TRANGTT(Trần Thuỳ Trang)

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | tràm | | | |
| 176 | R/NB06/T03T đến R/NB06/T04T | CÔNG TRỪNG | 1 cây sake | 1 | 1 | |
| 177 | R/NB06/T07T | CÔNG TRỪNG | 2 cây Si | 2 | 2 | |
| 178 | R/BUCT/T61T đến R/BUCT/T63T | CÔNG TRỪNG | 1 cây me, 2 cây sa la | 3 | 3 | |
| 179 | R/NB09/T06P đến R/NB09/T08P | CÔNG TRỪNG | 1 cây sọ khỉ, 1 cây tràm | 2 | 2 | |
| 180 | R/NB09/T10P/2 đến R/NB09/T10P/4 | CÔNG TRỪNG | 1 cây trăm, 1 cây xoài | 2 | 2 | |
| 181 | R/BUCT/T71T đến R/BUCT/T72T | CÔNG TRỪNG | 2 cây bàng | 2 | | 2 |
| 182 | R/NB05/T08/2A đến R/NB05/T08/3A | CÔNG TRỪNG | cây sung ,cây xanh | 2 | 2 | |
| 183 | R/TRTD/T43T-T44T | RẠCH TRA | cây điệp | 1 | 1 | |
| 184 | R/TRTD/T42T-T43T | RẠCH TRA | cây bàng | 1 | | 1 |
| 185 | R/ĐATV/T188P -T189P | RẠCH TRA | cây si và cây bàng | 2 | 2 | |
| 186 | R/ĐATV/T192P -T193P | RẠCH TRA | cây si | 1 | 1 | |
| 187 | R/VOTĐ/T08P-T09P | RẠCH TRA | cây dầu | 1 | 1 | |
| 188 | R/VOTĐ/T011T-T12T | RẠCH TRA | cây si | 1 | 1 | |
| 189 | R\VOTĐ\T015T-T16T | RẠCH TRA | cây si | 1 | 1 | |
| 190 | T172/33/6-7 | RẠCH TRA | cây tràm | 1 | 1 | |
| 191 | R\VOTĐ\T024T-T25T | RẠCH TRA | 2 cây bàng, 1 cây tràm, 1 cây xanh | 4 | | 4 |
| 192 | R\VOTĐ\T30T-T31T | RẠCH TRA | cây me | 1 | 1 | |
| 193 | R\VOTĐ\T33P-T34P | RẠCH TRA | 1 cây tràm, 1 cây trâm, 1 cấy bằng lăng | 3 | 3 | |
| 194 | R/NB02P/T04P-06P | RẠCH TRA | cây si | 1 | 1 | |
| 195 | R/NHB11/T02AT-03 | RẠCH TRA | cây bằng lăng | 1 | 1 | |
| 196 | R/BUCT/T106P | RẠCH TRA | 1 cây bàng, 1 cây boca | 2 | 2 | |
| 197 | R/BUCT/T114P-116P | RẠCH TRA | 3 cây bàng | 3 | | 3 |
| 198 | R/NB15/T07T-08T | RẠCH TRA | 1 cây điệp | 1 | 1 | |
| 199 | R/NB15/T09T | RẠCH TRA | cây tràm | 1 | 1 | |
| 200 | R/NB15/T15T-16T | RẠCH TRA | 1 cây bồ cạp vàng | 1 | 1 | |
| 201 | R/NB15/T16T-18T | RẠCH TRA | 2 cây sala, 1 cây | 3 | 3 | |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | xoài | | | |
| 202 | R/NB18/04T-06T | RẠCH TRA | 1 cây xanh, 1 cây xoài | 3 | 3 | |
| 203 | R/NB18/08T | RẠCH TRA | 1 cây nhãn, 1 cây si | 2 | 2 | |
| 204 | R/NB18/09T-10T | RẠCH TRA | 2 cây sala, | 2 | 2 | |
| 205 | R/NB18/011T-12T | RẠCH TRA | 1 cây ổi | 1 | 1 | |
| 206 | R/BUCT/T34P | RẠCH TRA | cây sa la | 1 | 1 | |
| 207 | R/BUCT/T133P/1 | RẠCH TRA | cây bàng | 1 | | 1 |
| 208 | R/BUCT/T34P/01T | RẠCH TRA | cây me tây | 1 | 1 | |
| 209 | R/TRTD/T37P | RẠCH TRA | cây lòng mứt | 1 | 1 | |
| 210 | R/ĐATV/T121T | RẠCH TRA | cây bàng | 1 | | 1 |
| 211 | R/NB15/T48T-T52T | RẠCH TRA | cây dầu | 1 | 1 | |
| 212 | R/ĐATV/T117T- T118T | RẠCH TRA | 3 cây dầu | 3 | 3 | |
| 213 | R/ĐATV/T121T | RẠCH TRA | cây bàng | 3 | | 3 |
| 214 | R/LEVK/T09T | BẾN ĐÁ MỚI | Cây bàng | 1 | | 1 |
| 215 | R/ĐT04/T03T/01 | BẾN ĐÁ MỚI | Cây Si | 1 | 1 | |
| 216 | R/LEVK/T03-T04 | BẾN ĐÁ MỚI | Cây me | 1 | 1 | |
| 217 | R/LEVK/T06-T07 | BẾN ĐÁ MỚI | Cây me | 1 | 1 | |
| 218 | R/LEVK/T09T | BẾN ĐÁ MỚI | cây Bàng | 1 | | 1 |
| 219 | R/ĐAT04/T03T/01 | BẾN ĐÁ MỚI | Cây Si | 1 | 1 | |
| 220 | R.ĐATV/T137P/3-6 | BẾN ĐÁ MỚI | 3 Cây xanh | 3 | 3 | |
| 221 | R/LEVK/T46P/1 | BẾN ĐÁ MỚI | Cây bàng | 1 | 1 | |
| 222 | R/LEVK/T19P-20P | BẾN ĐÁ MỚI | Cây bàng | 1 | 1 | |
| 223 | R/DT7/T06P-T07P | BẾN ĐÁ MỚI | Cây si | 1 | 1 | |
| 224 | R/DT7/T11P-T12P | BẾN ĐÁ MỚI | Cây bàng | 1 | | 1 |
| 225 | R/ROGO/T01P-T03P | BẾN ĐÁ MỚI | 3 Cây xanh | 3 | 3 | |
| 226 | R/ĐT03/T01 | BẾN ĐÁ MỚI | Cây phương ,cây đài loan | 2 | 2 | |
| 227 | R/ĐT03/T04P-T05P | BẾN ĐÁ MỚI | 3 Cây xoài | 3 | 3 | |
| 228 | R/TH13/T28T/1 | Hong Chau | 2 cây trâm | 2 | 2 | |
| 229 | R/TH13/T23-24T | Hong Chau | Cây tràm | 1 | 1 | |
| 230 | R/TH13/T20T | Hong Chau | Cây tràm | 1 | 1 | |
| 231 | R/HL65/T26-27T | Hong Chau | Cây xoài, | 1 | 1 | |
| 232 | R/HL65/T19-20T | Hong Chau | Cây lộc vừng | 1 | 1 | |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 233 | R/DUCK/T01-02T | Hong Chau | Cây si, cây osake | 2 | 2 | |
| 234 | R/DUCK/T379P/2 | Hong Chau | Cây mít | 1 | 1 | |
| 235 | R/DUCK/T14-15T | Hong Chau | 3 cây bàng | 3 | 3 | |
| 236 | R/TTN24/T03-06P | Hong Chau | 3 cây bàng ĐL | 3 | 3 | |
| 237 | R/TTN24/T01T | Hong Chau | Cây Da | 1 | 1 | |
| 238 | R/DUCK/T19-20T | Hong Chau | Cây gõ | 1 | 1 | |
| 239 | R/DUCK/T31T/2 | Hong Chau | Cây xoài | 1 | 1 | |
| 240 | R/TTN8/T34P | Hong Chau | Cây xoài | 1 | 1 | |
| 241 | R/TTN8/T31P | Hong Chau | Cây bàng ĐL | 1 | | 1 |
| 242 | R/DUCK/T40T | Hong Chau | Cây bàng | 1 | | 1 |
| 243 | R/TTN16/T02-03P | Hong Chau | 2 cây bàng | 2 | | 2 |
| 244 | R/XTT22-1/T01-02AB | Xuan Thoi Son | Cây xoài | 1 | 1 | |
| 245 | R/XTT22-1/T02AB | Xuan Thoi Son | Cây sung | 1 | 1 | |
| 246 | R/PHVH/T334T | Xuan Thoi Son | Cây bàng ( Cây lớn) | 1 | | 1 |
| 247 | R/DUCK/T132ABT | Xuan Thoi Son | Cây si | 1 | 1 | |
| 248 | R/NGVB/T322P | Xuan Thoi Son | Cây si ( Cây lớn) | 1 | | 1 |
| 249 | R/TRTN/T122-123P | Xuan Thoi Son | Cây sung | 1 | 1 | |
| 250 | R/TRTN/T125-126P | Xuan Thoi Son | Cây bàng | 1 | 1 | |
| 251 | R/TRTN/T128P | Xuan Thoi Son | Cây bàng DL | 1 | | 1 |
| 252 | R/TRTN/T126-127T | Xuan Thoi Son | 2 cây bàng DL | 2 | | 2 |
| 253 | R/NGVB/T349P/1 | Xuan Thoi Son | Cây mít | 1 | 1 | |
| 254 | R/DUCK/T69-70T | Xuan Thoi Son | Cây bàng | 1 | | 1 |
| 255 | R/XTT3/T28-29T | Xuan Thoi Son | 3 Cây tràm | 3 | 3 | |
| 256 | R/XTT3/T30T | Xuan Thoi Son | Cây tràm | 1 | 1 | |
| 257 | R/XTT12/T05-06T | Xuan Thoi Son | Cây osaka | 1 | 1 | |
| 258 | R/XUT2/T15T | Gieng Nuoc | Cây xanh | 1 | 1 | |
| 259 | R/XUT2/T12-13T | Gieng Nuoc | 1 cây điệp, 1 cây giáng hương | 2 | 2 | |
| 260 | R/XUT2/T11ABP | Gieng Nuoc | 2 cây bàng ĐL | 2 | | 2 |
| 261 | R/XT14/T01T | Gieng Nuoc | Cây sung | 1 | 1 | |
| 262 | R/TTR-TTT/T05T/1 | Gieng Nuoc | Cây điệp | 1 | 1 | |
| 263 | R/XTS-XTD/T42-43P | Gieng Nuoc | Cây tha la, cây bàng | 2 | 2 | |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 264 | R/XTS-XTD/T44P/4AB | Gieng Nuoc | Cây xanh | 1 | 1 | |
| 265 | R/XTS-XTD/T45P | Gieng Nuoc | Cây lộc vừng | 1 | 1 | |
| 266 | R/XTS-XTD/T50P/3AB | Gieng Nuoc | Cây bàng ĐL | 1 | | 1 |
| 267 | R/XTS-XTD/T52-53P | Gieng Nuoc | Cây Tha La | 1 | 1 | |
| 268 | R/XTS19/T03-04P | Gieng Nuoc | Cây Bàng ĐL | 1 | | 1 |
| 269 | R/VOTH/TT33-34T | Gieng Nuoc | Cây Osaka | 1 | 1 | |
| 270 | T199/39/8/2-3 | Gieng Nuoc | 2 cây hoàng nam | 2 | 2 | |
| 271 | R/TRVM/T44T | Gieng Nuoc | Cây bàng | 1 | 1 | |
| 272 | R/TRVM/T42T-T42T/2 | Gieng Nuoc | 2 cây hoàng nam, 1 cây dầu | 3 | 3 | |
| 273 | R/XTD3/T08-09 | Gieng Nuoc | Cây bàng | 1 | | 1 |
| 274 | R/XTD3/T08-09 | Gieng Nuoc | Cây si | 1 | 1 | |
| 275 | R/XTS-XTD/T40-41P | Gieng Nuoc | 2 cây si | 2 | 2 | |
| 276 | R/DS1MH4/T01-02P | Gieng Nuoc | Cây xoài, cây lộc vừng | 2 | 2 | |
| 277 | R/TRVM/T123P | Gieng Nuoc | Cây si | 1 | 1 | |
| 278 | R/XTS-XTD/T42P | Gieng Nuoc | Cây xoài | 1 | 1 | |
| 279 | R/XTS-XTD/T32P/1 | Gieng Nuoc | Cây si | 1 | 1 | |
| 280 | R/XTS36G/T03 | Hoa Phu 1 | Cây xoài | 1 | 1 | |
| 281 | R/XTS36G/T02-03 | Hoa Phu 1 | Cây lộc vừng, cây me | 2 | 2 | |
| 282 | R/XTS36G/T01-02 | Hoa Phu 1 | Cây me | 1 | 1 | |
| 283 | R/NGVB/T057ABT | Hoa Phu 1 | Cây tràm | 1 | 1 | |
| 284 | R/NGVB/T76-77T | Hoa Phu 1 | 2 cây si | 2 | 2 | |
| 285 | R/DOVD/T155-156P | Hoa Phu 1 | Cây me ,cây osaka, cây hồng | 3 | 3 | |
| 286 | R/HL65/T153P | Hoa Phu 1 | 2 cây bàng | 2 | | 2 |
| 287 | R/DOVD/T37T/4 | Hoa Phu 1 | Cây bằng lăng | 1 | 1 | |
| 288 | R/DOVD/T37-38P | Hoa Phu 1 | 2 Cây sake | 2 | 2 | |
| 289 | R/DOVD/T41T | Hoa Phu 1 | 2 Cây bàng | 2 | | 2 |
| 290 | R/DOVD/T43T | Hoa Phu 1 | Cây điệp | 1 | 1 | |
| 291 | R/DOVD/T54T | Hoa Phu 1 | Cây điệp, Cây si | 2 | 2 | |
| 292 | R/HL65/T92-93P | Hoa Phu 1 | Cây si | 1 | 1 | |
| 293 | R/HL65/T102ABP | Hoa Phu 1 | Cây bằng lăng | 1 | 1 | |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thuỳ Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 294 | R/QL22/T155T | Hoa Phu 1 | Cây điệp | 1 | 1 | |
| 295 | R/QL22/T158-159T | Hoa Phu 1 | Cây điệp | 1 | 1 | |
| 296 | R/NGVB/T27-29T | Hoa Phu 1 | 2 cây sake | 2 | 2 | |
| 297 | R/NGTT/T23T/3 | Hoa Phu 1 | Cây si | 1 | 1 | |
| 298 | R/NGTT/T26ABT | Hoa Phu 1 | Cây si | 1 | 1 | |
| 299 | R/XTS20/T03-04T | Hoa Phu 1 | Cây da, cây giáng hương, cây điệp | 3 | 3 | |
| 300 | R/NGTT/T33T | Hoa Phu 1 | 2 cây bàng ĐL | 2 | | 2 |
| 301 | R/NGTT/T127P | Hoa Phu 1 | Cây xoài | 1 | 1 | |
| 302 | R/NGTT/T125-126P | Hoa Phu 1 | Cây mít | 1 | 1 | |
| 303 | R/NGTT/T124-125P | Hoa Phu 1 | 2 Cây si | 2 | 2 | |
| 304 | R/NGTT/T044-45T | Hoa Phu 1 | Cây bàng | 1 | 1 | |
| 305 | R/NGTT/T022ET- 22DT | Hoa Phu 1 | Cây me, cây thị | 2 | 2 | |
| 306 | R/XTS17/T06ABT | Hoa Phu 1 | Cây điệp, cây giáng hương | 2 | 2 | |
| 307 | R/NGVB/T038-039T | Hoa Phu 1 | Cây si | 1 | 1 | |
| 308 | R/XTS17/T09-12T | Hoa Phu 1 | 2 cây điệp | 2 | 2 | |
| 309 | R/CCNXTS/T07/17T | Hoa Phu 1 | Cây điệp | 1 | 1 | |
| 310 | R/DUCK/T71T-1 | Dương Công Khi | Cây bàng | 1 | | 1 |
| 311 | R.DUCK/T51T/1 | Dương Công Khi | cây sake , cây phượng | 2 | 2 | |
| 312 | R.DUCK/T52T | Dương Công Khi | cây điệp | 1 | 1 | |
| 313 | R.DUCK/T57T | Dương Công Khi | cây điệp | 1 | 1 | |
| 314 | R.DUCK/T61T | Dương Công Khi | cây sake, | 1 | 1 | |
| 315 | R.DUCK/T62T | Dương Công Khi | cây bàng | 1 | | 1 |
| 316 | R.DUCK/T63T | Dương Công Khi | cây bàng | 1 | 1 | |
| 317 | R.DUCK/T68T--T69T | Dương Công Khi | 2 Cây bàng | 2 | | 2 |
| 318 | R.DUCK/T90T | Dương Công Khi | 2 cây bang ĐL | 2 | | 2 |
| 319 | R.DUCK/T96T | Dương Công Khi | cây phượng | 1 | 1 | |
| 320 | R.DUCK/T102T | Dương Công Khi | cây bàng , sung | 2 | 2 | |
| 321 | R.NGTL/T04T | Dương Công Khi | cây me | 1 | 1 | |
| 322 | R.NGTL/T12T | Dương Công Khi | cây xoài | 1 | 1 | |
| 323 | R.NGTL/T35P--T33P | Dương Công Khi | hàng cây xanh | 3 | 3 | |
| 324 | R.XTS35/T44P/1T | Dương Công Khi | cây bàng | 1 | 1 | |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 325 | R.PHVH/T36P--T37T | Cầu Lớn | cây osaka, mit, me | 3 | 3 | |
| 326 | R.XTT17/T01P--T02P | Cầu Lớn | cây xoài, dâu tầm, bằng lăng | 3 | 3 | |
| 327 | R.PHVH/T066/1--2 | Cầu Lớn | cây xoai | 1 | 1 | |
| 328 | R.DACB/T188T | Cầu Lớn | Cây tràm | 1 | 1 | |
| 329 | R.DACB/T195T | Cầu Lớn | 2 Cây bàng ĐL | 2 | | 2 |
| 330 | R.DACB/T242T | Cầu Lớn | Cây sung, bàng ĐL | 2 | | 2 |
| 331 | R.NGVB/T170/3 | Cầu Lớn | Cây bàng | 1 | 1 | |
| 332 | R.DACB/T171T | Cầu Lớn | Cây tràm | 2 | 2 | |
| 333 | R.DACB/T341P | Cầu Lớn | Cây tràm | 1 | 1 | |
| 334 | R.NGVB/T221ABP | Cầu Lớn | 2 Cây bàng | 2 | 2 | |
| 335 | R.NGVB/T282P | Cầu Lớn | Cây tha la | 1 | 1 | |
| 336 | R.NGVB/T260CP | Cầu Lớn | Cây tràm, điệp | 2 | 2 | |
| 337 | R.NGVB/T259CP | Cầu Lớn | Cây bàng, bồ đề | 2 | 2 | |
| 338 | R.NGVB/T256P--T257P | Cầu Lớn | Cây bàng | 1 | | 1 |
| 339 | R.NGVB/T255P | Cầu Lớn | Cây bàng | 3 | 3 | |
| 340 | R.NGVB/T241P | Cầu Lớn | Cây bàng cách lưới 0,9m | 1 | 1 | |
| 341 | R.NGVB/T231P | Cầu Lớn | Cây bàng cách lưới 0,5m | 1 | 1 | |
| 342 | R.QL22/T451P--T450P | Nhị Tân | cây bàng | 1 | | 1 |
| 343 | R.QL22/T419P | Nhị Tân | cây bàng | 1 | | 1 |
| 344 | R.QL22/T415P--T414P | Nhị Tân | cây me , osaka, bàng | 3 | 3 | |
| 345 | R.DACB/T055T | Dân Thắng | cây bàng | 1 | 1 | |
| 346 | R.DACB/T020T--T021T | Dân Thắng | cây bàng , si | 3 | 3 | |
| 347 | R.DBKD/T02T--T03P | Dân Thắng | osaka, me, tràm | 3 | 3 | |
| 348 | R.DACB/T104T | Dân Thắng | cây tràm sọ khỉ | 2 | 2 | |
| 349 | R.DACB/T107T | Dân Thắng | cây sọ khỉ | 1 | 1 | |
| 350 | R.DACB/T132T | Dân Thắng | cây xoài | 1 | 1 | |
| 351 | R.DACB/T133T--T136T | Dân Thắng | cây bàng, sung , da | 3 | 3 | |
| 352 | R.DACB/T139T | Dân Thắng | 3 cây tràm, xanh | 3 | 3 | |
| 353 | R.DACB/T142T | Dân Thắng | cây tre, bàng | 2 | 2 | |
| 354 | R.XTS12/T40T | Dân Thắng | cây tràm, trứng | 2 | 2 | |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | cá | | | |
| 355 | R.XTS12/T42T-T42T/2 | Dân Thắng | cây tràm | 2 | 2 | |
| 356 | R.XTS12/T53T | Dân Thắng | cây dầu, | 1 | 1 | |
| 357 | R.XTS12/T63T--T64T | Dân Thắng | cây trăm, lọc vừng | 2 | 2 | |
| 358 | R.XTS12/T06T | Dân Thắng | cây tràm | 1 | 1 | |
| 359 | R.XTS12/T23T--T24T | Dân Thắng | cây xoai | 1 | 1 | |
| 360 | R.XTS12/T28T--T29T | Dân Thắng | cây sọ khỉ, tràm | 2 | 2 | |
| 361 | R.XTS12/T42T--T43T | Dân Thắng | cây sung, | 1 | 1 | |
| 362 | R.DACB/T44T--T45T | Dân Thắng | cây si | 1 | 1 | |
| 363 | R.DACB/T116T/3--5 | Dân Thắng | hang cây sọ khỉ | 2 | 2 | |
| 364 | R.XTS12/T19T | Dân Thắng | Cay bàng | 1 | | 1 |
| 365 | R/QL22/T139/2 | An Sương | cây xoài,si,me | 3 | 3 | |
| 366 | R/BM6R/T05 | An Sương | cây osaka | 1 | 1 | |
| 367 | R/BM6L/T03 | An Sương | cây mận, bàng | 2 | 2 | |
| 368 | R/XUT18/T03 | An Sương | Sung ,si | 2 | 2 | |
| 369 | R.XUT21.T40P | An Sương | osaka, mận ,si, lâm vồ | 3 | 3 | |
| 370 | R.TATTHA.T03 | An Sương | lộc vừng, xoài | 2 | | 2 |
| 371 | R.XTTBD.T09P | An Sương | cây dầu, si | 2 | 2 | |
| 372 | R.XTTBD.T30P.T06P.1-T06P.3 | An Sương | 2 osaka | 2 | 2 | |
| 373 | R.XTTBD.T27P | An Sương | me tây ,dầu | 3 | | 3 |
| 374 | R.XTT7-2.T01-T05T | An Sương | 2 cây osaka | 2 | 2 | |
| 375 | R.XTTBD/T11T | An Sương | cây bàng | 1 | | 1 |
| 376 | R.XTT7-2.T08T | An Sương | cây bàng | 1 | | 1 |
| 377 | R.XTT32.T07T | An Sương | Cây xoài | 1 | 1 | |
| 378 | R.XTT5.T29AP | An Sương | cây dầu | 1 | 1 | |
| 379 | R/XTT5/T28/1 | An Sương | osaka,xanh,si | 3 | | 3 |
| 380 | R/XTT7-2/T15 | An Sương | cây osaka | 1 | | 1 |
| 381 | R/XTT5/T35 | An Sương | 3 dầu, 1 me, 1 sung | 5 | | 5 |
| 382 | R/XTT7/T13AT | An Sương | cây lâm vồ | 1 | | 1 |
| 383 | R/BAD3/T10 | An Sương | cây xanh | 2 | | 2 |
| 384 | R/QL22/T61T | An Sương | lâm vồ | 1 | | 1 |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 385 | R/XTD3/T05AT | An Sương | cây tràm | 3 | | 3 |
| 386 | R/QL22/T93T | An Sương | si | 3 | | 3 |
| 387 | R/QL22/T011AT | Nam Lân | cây bàng,cây osaka | 2 | 2 | |
| 388 | R/NGTH/T02T | Nam Lân | 2 cây bàng | 2 | | 2 |
| 389 | R/DOLA5/T07P | Nam Lân | bàng | 1 | | 1 |
| 390 | R/CXBD2A/T01 | Nam Lân | cây si ,bàng | 3 | 3 | |
| 391 | R/CXBD/T02-T05 | Nam Lân | cây bàng, si ,khế,ngọc lan | 4 | | 4 |
| 392 | R/QL22/T50 | Nam Lân | bàng | 2 | 2 | |
| 393 | R/NALA5/T01 | Nam Lân | trứng cá | 1 | | 1 |
| 394 | R/DLHL/T04 | Nam Lân | cây bàng | 1 | | 1 |
| 395 | R/THTG/T17-T19 | Nam Lân | cây bằng lăng cây osaka | 2 | 2 | |
| 396 | R/ASU/T02 | Nam Lân | cây lâm vồ chạm dây | 1 | 1 | |
| 397 | R/NGATBD/T26T/12B | Nam Lân | cây xoài | 1 | 1 | |
| 398 | R/QL1A/T47 | Nam Lân | cây bàng | 1 | | 1 |
| 399 | R/NALA5/T01 | Nam Lân | xoài | 1 | 1 | |
| 400 | R/DOLA5/T12P | Nam Lân | xoài | 1 | 1 | |
| 401 | R/BUVT/T23P | Xuân Thới Thượng | xanh | 1 | 1 | |
| 402 | R/BUVT/T27 | Xuân Thới Thượng | 1 mít, 1 bàng | 2 | 2 | |
| 403 | R/TILA14/T11T/6-8 | Xuân Thới Thượng | xanh ,osaka ,1 ngọc lan | 3 | 3 | |
| 404 | R/PHVD/T38T | Xuân Thới Thượng | cây bả đậu | 1 | | 1 |
| 405 | R/PHVD/T37T | Xuân Thới Thượng | cây me tây | 1 | 1 | |
| 406 | R/TILA14/T10 | Xuân Thới Thượng | lộc vừng | 2 | 2 | |
| 407 | R/TILA14/T08T | Xuân Thới Thượng | viết | 1 | 1 | |
| 408 | R/BUVT/T25T | Xuân Thới Thượng | 1 viết ,1 cóc | 2 | 2 | |
| 409 | R/TIL14/T12T | Xuân Thới Thượng | 1 sakê | 2 | 2 | |
| 410 | R/TIL14/T04T | Xuân Thới Thượng | 1 cây xanh | 1 | 1 | |
| 411 | R/AM1E/T02 | Nông Sản | bàng , tràm | 3 | | 3 |
| 412 | R/XTT31/01T | Nông Sản | cây hoàng nam | 2 | 1 | 1 |
| 413 | R/XTT31/03T | Nông Sản | cây bằng lăng | 1 | 1 | |
| 414 | R/TRVM/T86/2 | Nông Sản | osaka | 1 | 1 | |
| 415 | R/XTT5/T49AP | Nông Sản | bằng lăng,dầu,si | 3 | 3 | |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC

| STT | Vị trí- Số trụ | Tuyến dây | Nội dung kiến nghị | Tổng số cây | Loại 1 | Loại 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 416 | R/XTT5/T02 -T03 | Nông Sản | dầu,khế | 6 | | 6 |
| 417 | R/TRVM/T79T/5 | Nông Sản | bàng, xoài ,sake | 4 | | 4 |
| 418 | R/PHVH/T207T | Nông Sản | sọ khỉ | 1 | 1 | |
| 419 | R/VIBA/T01 | Nông Sản | si | 1 | 1 | |
| 420 | R/TAL3/T01AT | Nông Sản | bàng Đài Loan | 1 | | 1 |
| 421 | R/THTG/T36T | Nông Sản | osaka,sung | 2 | 2 | |
| 422 | R/NGTT/T74AT/1A | Nông Sản | 1 viết | 2 | 2 | |
| 423 | R/TRVM/T90T | Nông Sản | 1 osaka | 1 | 1 | |
| 424 | R/NGTT/T74AT | Nông Sản | 1 cọ , 4 tràm,me | 6 | | 6 |
| 425 | R/NGTT/T075T | Nông Sản | sọ khỉ | 4 | | 4 |
| 426 | R/PHVH/T217T | Nông Sản | 1 si | 1 | 1 | |
| 427 | R/XTT9/T41T | Nông Sản | bằng lăng | 1 | 1 | |
| 428 | R/AM6B/T02-T06 | Bà Mẫn | 4 tràm, 1 bàng | 8 | | 8 |
| 429 | R/XTT58C/T06-T08 | Bà Mẫn | 4 cây xanh | 4 | | 4 |
| 430 | R/KDCDAHA/T03 | Bà Mẫn | 2 lộc vừng, 1 xoài | 3 | 3 | |
| 431 | R/BM8A/T02 | Bà Mẫn | 1 bàng | 1 | 1 | |
| 432 | R/XTT53/T03-T04T | Bà Mẫn | 3 dầu | 3 | | 3 |
| 433 | R/TILA17/T01 | Bà Mẫn | 2 bàng, 1 lâm vồ | 3 | | 3 |
| 434 | R/PHVD/T46P | Bà Mẫn | 1 dã tụy | 1 | 1 | |
| 435 | T/DS2/35T | Bà Mẫn | 1 me tây | 1 | 1 | |
| 436 | R/AM10/T02AB | Bà Mẫn | 1 tràm | 2 | 2 | |
| 437 | R/PHVH/T84T | Bà Mẫn | 1 xoài | 1 | 1 | |
| 438 | R/XTT30/T55P | Bà Mẫn | 1 sala,1 sakê | 2 | 2 | |
| 439 | R/XTT30/T49P | Bà Mẫn | 1 me tây | 1 | 1 | |
| 440 | R/XTT30/T41P-R/XTT30/T16AT | Bà Mẫn | 4 bằng lăng,1 vú sữa | 5 | | 5 |
| 441 | R/PHVS/T08T | Bà Mẫn | 1 bàng | 1 | 1 | |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC

# TẬP 2
# DỰ TOÁN

**Khai quang cây xanh chạm lưới điện trên địa bàn xã Hóc Môn, Đông Thạnh, Bà Điểm, Xuân Thới Sơn năm 2026**

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

## BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ

**Công trình: Khai quang cây xanh chạm lưới điện trên địa bàn xã Hóc Môn, Đông Thạnh, Bà Điểm, Xuân Thới Sơn năm 2026**

| STT | Nội dung chi phí | Cách tính | Giá trị KL công việc tự thực hiện (đồng) | Giá trị KL công việc thuê ngoài (đồng) | Cộng giá trị (đồng) | ký hiệu |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 1 | 2 | 3 =(1) + (2) | |
| **A** | **CHI PHÍ THỰC HIỆN** | G + GTGT | **0** | **294.451.200** | **294.451.200** | Gsc |
| **1** | **Chi phí vật liệu** | Không tính | **0** | **0** | **0** | VL |
| **2** | **Chi phí nhân công** | **NC** | **0** | **272.640.000** | **272.640.000** | NC |
| 2.1 | Chi phí nhân công phần áp dụng đơn giá XDCB | | | 272.640.000 | 272.640.000 | NC2 |
| **3** | **Chi phí máy thi công** | Không tính | **0** | **0** | **0** | M |
| **4** | **Chi phí chung** | Không tính | 0 | 0 | 0 | C |
| **5** | **Thu nhập chịu thuế tính trước** | Không tính | 0 | 0 | 0 | TL |
| **7** | **Giá trị sửa chữa trước thuế** | (VL + NC + M + C + TL) | 0 | 272.640.000 | 272.640.000 | G |
| **8** | **Thuế GTGT** | * KL công việc tự thực hiện: VL x TGTGT (KL công việc thuê ngoài: G x TGTGT) | 0 | 21.811.200 | 21.811.200 | GTGT |
| **B** | **CHI PHÍ KHÁC (sau thuế)** | K1 + K2 + K3 +….. | **0** | **74.976** | **74.976** | Gк |
| 1 | Chi phí bảo hiểm công trình | Theo bảng CPK | | 74.976 | 74.976 | K2 |
| **C** | **TỔNG GIÁ TRỊ DỰ TOÁN** | GVTTB + GSC + GK | **0** | **294.526.176** | **294.526.176** | |

Bằng chữ: Hai trăm chín mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi sáu ngàn, một trăm bảy sáu đồng

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19 HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

*Biểu 12*

# BẢNG TÍNH CHI PHÍ KHÁC

**Công trình: Khai quang cây xanh chạm lưới điện trên địa bàn xã Hóc Môn, Đông Thạnh, Bà Điểm, Xuân Thới Sơn năm 2026**

| Stt | Các khoản mục chi phí | Ký hiệu | Cách tính | Giá trị trước thuế | VAT (%) | Thuế GTGT | Giá trị sau thuế |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chi phí giám sát thi công xây dựng | $n_1$ | | 0 | 10 | 0 | 0 |
| | + Điện | | Tự thực hiện | 0 | 10 | 0 | 0 |
| 2 | Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị | $n_2$ | Tự thực hiện | 0 | 10 | 0 | 0 |
| 3 | Chi phí bảo hiểm công trình | $n_3$ | 0,25 % x (GVTTB trước thuế + GSC trước thuế) | 68.160 | 10 | 6.816 | 74.976 |
| 4 | Chi phí thẩm tra - phê duyệt quyết toán | $n_4$ | Không tính | 0 | 10 | 0 | 0 |
| | **TỔNG CỘNG** | $G_k$ | (I + II) | **68.160** | | **6.816** | **74.976** |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

# BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN NHÂN CÔNG

**Công trình: Khai quang cây xanh chạm lưới điện trên địa bàn xã Hóc Môn, Đông Thạnh, Bà Điểm, Xuân Thới Sơn năm 2026**

*(Phần các công việc áp dụng đơn giá XDCB)*

***Mã Danh mục:***

| STT | Tên công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | Hệ số | Bậc nhân công | Số công | Tổng số công | Đơn giá ( đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Cắt thấp tán lá, khống chế chiều cao cây, cây loại 1 | công | 496 | 1 | NC: 3,5/7 | 0,91 | 451,36 | 345.000 | 171.120.000 |
| 2 | Chặt cây bằng phẳng, đường kính gốc cây <=30cm | công | 282 | 1 | NC: 3,5/7 | 1,36 | 383,52 | 360.000 | 101.520.000 |
| | **Tổng cộng** | | | | | | | | **272.640.000** |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

*Biểu 04*

# BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN MÉ NHÁNH CÂY

**Công trình: Khai quang cây xanh chạm lưới điện trên địa bàn xã Hóc Môn, Đông Thạnh, Bà Điểm, Xuân Thới Sơn năm 2026**

| Stt | Thành phần công việc (Tỉa nhánh, cắt cành, khống chế chiều cao và vận chuyển rác cây xanh đổ bỏ) | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (thấp nhất) | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Cắt thấp tán lá, khống chế chiều cao cây, cây loại 1 | Cây | 496 | 345.000 | 171.120.000 |
| 2 | Cắt thấp tán lá, khống chế chiều cao cây, cây loại 2 | Cây | 282 | 360.000 | 101.520.000 |

***Ghi chú:*** *Tổng hợp theo đơn giá (có báo giá thấp nhất, đã bao gồm vật liệu phụ, nhân công và máy thi công)*

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

## BẢNG PHÂN TÍCH DỰ TOÁN CHI PHÍ VTTB-NHÂN CÔNG - MÁY THI CÔNG

**Công trình: Khai quang cây xanh chạm lưới điện trên địa bàn xã Hóc Môn, Đông Thạnh, Bà Điểm, Xuân Thới Sơn năm 2026**

| Stt | Mã công việc | Thành phần công việc (Tỉa nhánh, cắt cành, khống chế chiều cao và vận chuyển rác cây xanh đổ bỏ) | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá thấp nhất | Đơn giá | | | | Thành tiền (thấp nhất) | Thành tiền (theo báo giá) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | QĐ38-1491 UBND | Cty Sơn Phúc Vinh | Cty Vạn Phúc Hưng | Cty Duy Hiếu | | QĐ38-1491 UBND | Cty Sơn Phúc Vinh | Cty Vạn Phúc Hưng | Cty Duy Hiếu |
| 1 | CX3.41110 | Cắt thấp tán lá, khống chế chiều cao cây, cây loại 1 | cây | 496 | **345.000** | 652.819 | 370.000 | 355.000 | 345.000 | **171.120.000** | 323.798.135 | 183.520.000 | 176.080.000 | 171.120.000 |
| 2 | CX3.41120 | Cắt thấp tán lá, khống chế chiều cao cây, cây loại 2 | cây | 282 | **360.000** | 928.629 | 380.000 | 370.000 | 360.000 | **178.560.000** | 460.600.163 | 188.480.000 | 183.520.000 | 178.560.000 |

**Ghi chú:**

- Tỉa nhánh, cắt cành, khống chế chiều cao và vận chuyển rác cây xanh đổ bỏ.
- Chọn đơn giá có báo giá thấp nhất là: Công ty TNHH TM XD DV Duy Hiếu.

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

# BẢNG PHÂN TÍCH DỰ TOÁN ĐỊNH MỨC NHÂN CÔNG, MÁY THI CÔNG
## (Quyết định số 38/BXD ngày 17/01/2025 và QĐ 1491/UBND TPHCM)

Công trình: Khai quang cây xanh chạm lưới điện trên địa bàn xã Hóc Môn, Đông Thạnh, Bà Điểm, Xuân Thới Sơn năm 2026

| Mã hiệu | Công tác xây lắp | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức | Đơn giá | | | Thành tiền đơn giá | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Vật liệu | Nhân công | MTC | Vật liệu | Nhân công | MTC |
| **CX3.41110** | **Cắt thấp tán lá, khống chế chiều cao cây, cây loại 1** | **cây** | **1** | | | | | **5.006** | **264.614** | **383.199** |
| | | *a) Vật liệu* | | | | | | | | |
| | | Sơn | kg | 0,027 | 185.400 | | | 5.006 | | |
| | | *b) Nhân công* | | | | | | | | |
| N2357 | | Nhân công nhóm 2 - Bậc 3,5/7 | công | 0,91 | | 290.785 | | 0 | 264.614 | 0 |
| | | *c) Máy thi công* | | | | | | | | |
| M112.3801 | | Máy cưa gỗ cầm tay 1,3 kW | Ca | 0,105 | | | 24.761 | 0 | 0 | 2.600 |
| M102.1902 | | Xe thang 12 m | Ca | 0,135 | | | 2.174.138 | | | 293.509 |
| M106.0202 | | Ô tô tự đổ 5T | Ca | 0,059 | | | 1.476.104 | | | 87.090 |
| **CX3.41120** | **Cắt thấp tán lá, khống chế chiều cao cây, cây loại 2** | **cây** | **1** | | | | | **5.006** | **395.468** | **528.156** |
| | | *a) Vật liệu* | | | | | | | | |
| | | Sơn | kg | 0,027 | 185.400 | | | 5.006 | | |
| | | *b) Nhân công* | | | | | | | | |
| N2357 | | Nhân công nhóm 2 - Bậc 3,5/7 | công | 1,36 | | 290.785 | | 0 | 395.468 | 0 |
| | | *c) Máy thi công* | | | | | | | | |
| M112.3801 | | Máy cưa gỗ cầm tay 1,3 kW | Ca | 0,16 | | | 24.761 | 0 | 0 | 3.962 |
| M102.1902 | | Xe thang 12 m | Ca | 0,18 | | | 2.174.138 | 0 | 0 | 391.345 |
| M106.0202 | | Ô tô tự đổ 5T | Ca | 0,09 | | | 1.476.104 | 0 | 0 | 132.849 |

Phụ lục số 1
(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2005/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2005 của Bộ Xây dựng)

Phân loại cây bóng mát trong đô thị

Các dạng loại cây xanh tạo bóng mát được trồng trên đường phố và các khu vực sở hữu công cộng được phân làm 3 loại dựa trên chiều cao trưởng thành. Khoảng cách giữa các cây trồng phụ thuộc vào phân loại cây. Các quy định cụ thể như sau:

Bảng phân loại cây bóng mát và các yêu cầu kỹ thuật

| S TT | Phân loại cây | Chiều cao trưởng thành | Khoảng cách trồng | Chiều rộng vỉa hè |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Cây loại 1 (cây tiểu mộc) | £ 10m đến 8 m | 0,6m | Từ 3m đến 5 m |
| 2 | Cây loại 2 (cây trung mộc) | >10m đến 12m | 0,8m | Trên 5m |
| 3 | Cây loại 3 (cây đại mộc) | >15m đến 15m | 1m | Trên 5m |

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

**CX3.41100 Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây**

*Thành phần công việc:*

- Khảo sát hiện trường, thông báo với các đơn vị có liên quan, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị phương tiện, vật liệu, vật liệu phục vụ công tác thi công, bảo vệ cảnh giới an toàn.
- Cắt thấp tán cây, khống chế chiều cao, tuỳ từng loại cây, từng loại cành cụ thể mà cắt sửa theo yêu cầu kỹ, mỹ thuật, khống chế chiều cao.
- Tháo dỡ phụ sinh deo bám ảnh hưởng đến sức sống cây trồng và mỹ quan đô thị.
- Thu dọn cành, lá cây, thu gom chuyển về vị trí theo quy định.

*Yêu cầu kỹ thuật:*

- Cây đảm bảo sinh trưởng, phát triển tốt, cây không bị lệch tán, cây gọn tán, nhẹ tán, đảm bảo mỹ thuật.
- Hạn chế cây đổ, cành gãy đảm bảo cho người và tài sản.

Đơn vị tính: 1 cây/lần

| Mã hiệu | Tên công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Cây loại 1 | Cây loại 2 | Cấy loại 3 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| CX3.411 | Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây | *Vật liệu:* | | | | |
| | | - Sơn | kg | 0,027 | 0,027 | 0,09 |
| | | *Nhân công:* | | | | |
| | | - Bậc thợ 3,5/7 | công | 0,91 | 1,36 | 4,53 |
| | | *Xe, máy, thiết bị thi công:* | | | | |
| | | - Xe thang 12m | ca | 0,135 | 0,18 | |
| | | - Xe thang 15m | ca | | | 0,6 |
| | | - Ôtô tự đổ 5T | ca | 0,059 | 0,09 | 0,29 |
| | | - Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw | ca | 0,105 | 0,16 | 0,54 |
| | | | | 10 | 20 | 30 |

*Ghi chú:* Cự ly vận chuyển cành, lá cây công tác CX3.41100 trung bình 30km về nơi quy định.

HCMPC\TRANGTT(Trần Thuỳ Trang) 17/03/2026 14:19

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19

a) Các loại cây bóng mát trong đô thị: Có 3 loại sau đây:

- Loại 1 (cây tiểu mộc): Là những cây có chiều cao trưởng thành nhỏ (≤ 10m).
- Loại 2 (cây trung mộc): Là những cây có chiều cao trưởng thành trung bình (> 10m đến 15m).
- Loại 3 (cây đại mộc): Là những cây có chiều cao trưởng thành lớn (> 15m).

HCMPC\TRANGTT(Trần Thuỳ Trang) 17/03/2026 14:19

HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19
HCMPC\TRANGTT(Trần Thùy Trang) 17/03/2026 14:19